TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGUYÊN BÌNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Thanh Khoẻ.

2. Bà Triệu Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bàn Tòn G, sinh năm 1995, địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Bàn Mùi P, sinh năm 1993, địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Bàn Tòn G trình bày:

Về hôn nhân: Anh G kết hôn với chị P năm 2012, hôn nhân tự nguyện nhưng không được tìm hiểu do gia đình hai bên mai mối, năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã V) huyện N, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do chị P hay trộm

vặt đồ của người khác. Nhiều người trong xóm phản ánh lại với anh G nhưng do nể nang nên họ bỏ qua. Anh G đã khuyên bảo chị P nhiều lần nhưng chị P không thay đổi mà còn chửi lại anh G. Sự việc đã được gia đình hai bên hoà giải, khuyên bảo nhưng không khắc phục được thậm chí chị P còn thường xuyên mắng chửi, xúc phạm anh G. Vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể khắc phục nên anh G yêu cầu được ly hôn với chị P.

Về nuôi con: Anh G và chị P có 01 con chung tên Bàn Thị Y, sinh ngày 08-7-2013. Hiện nay, cháu Y đang sống với anh G và chị P, anh G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y cho đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình hoà giải chị Bàn Mùi P trình bày: Về thời gian, điều kiện, thủ tục kết hôn như ý kiến của anh G, chị P không bổ sung gì thêm. Anh G tự đến Toà án yêu cầu ly hôn, chị P không biết gì. Anh G đi làm không gọi chị P đi cùng rồi nói chị P không chịu đi làm, chỉ nằm ở nhà. Hai vợ chồng không ở với nhau từ năm 2019. Năm 2022, anh G về dỡ nhà cũ để làm nhà mới ngay sát nhà mẹ đẻ của anh G nhưng hàng ngày ăn uống sinh hoạt bên nhà mẹ đẻ, tối mới về nhà ngủ. Hai vợ chồng không sinh hoạt chung từ năm 2019. Chị P không đồng ý ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị P xác nhận có 01 con chung như anh G đã trình bày. Anh G bỏ chị P nên anh G phải tự nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22-7-2024, Cháu Bàn Thị Y trình bày: Cháu Y đang sống với bố mẹ tại xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Hàng ngày, bố mẹ cháu không nói chuyện với nhau, thỉnh thoảng cãi nhau. Hai mẹ con thường xuyên nói chuyện với nhau nhưng mẹ không nói gì về mâu thuẫn giữa bố mẹ. Cháu Y không muốn bố mẹ ly hôn nhưng nếu không ly hôn thì bố không đi làm nuôi mẹ được vì mẹ chỉ suốt ngày nằm ở nhà không chịu làm gì. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu Y có nguyện vọng muốn sống với bố.

Theo biên bản xác minh ngày 22-7-2024 tại xóm T, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng: Hai vợ chồng anh G, chị P thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do chị P ở nhà, không chịu làm việc. Chị P chửi anh G, chửi cả mẹ đẻ của anh G thậm chí đánh anh G.

Ngày 22-7-2024, Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên hoà giải, anh G, chị P thoả thuận được với nhau về việc nuôi con chung như sau: Sau khi ly hôn, anh G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến đủ 18 tuổi và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, chị P vắng mặt, anh G có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tại phiên toà, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử theo thủ tục thông thường.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm Điều 39, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; Điều 51, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Bàn Tòn Ghển với chị Bàn Mùi P. Giao cháu Bàn Thị Y, sinh năm 2013 cho anh Bàn T Ghển chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, anh G, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Bàn Tòn G khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Bàn Mùi P. Chị P có địa chỉ thường trú tại xóm T, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất đến tham gia phiên tòa vào ngày 11-9-2024 nhưng vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét quyết định hoãn phiên tòa. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa vào ngày 18-9-2024 những tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh G và chị P kết hôn năm 2012, hôn nhân tự nguyện, năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã V), huyện N, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân giữa anh G và chị P là hôn nhân hợp pháp, được Nhà nước công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống hạnh phúc vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P không chịu lao động xây dựng kinh

tế gia đình mà còn chửi bới, xúc phạm và đánh anh G. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng giữa anh G và chị P không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không có tiếng nói chung, không cùng trí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không tháo gỡ được. Nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anh G vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với chị P do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh G.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tại phiên hoà giải ngày 01-8-2024, anh G và chị P đã thoả thuận thống nhất được với nhau. Cụ thể:

Anh G và chị P cùng xác nhận, anh chị có 01 con chung tên Bàn Thị Y, sinh ngày 08-7-2013. Sau khi ly hôn, anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh G và chị P không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Xét thấy, sự thoả thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Tại phiên toà, anh G vẫn giữ nguyên ý kiến như tại phiên hoà giải nên cần ghi nhận sự thoả thuận đó.

[4] Về án phí: Anh Bàn Tòn Ghển thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Tòn G được ly hôn với chị Bàn Mùi P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02 giữa Bàn Mùi Phẩy và Bàn Tòn Ghển đăng ký ngày 08-6-2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Cao Bằng không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công nhận sự thỏa thuận của anh Bàn Tòn G và chị Bàn Mùi P về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung như sau:

2. Về nuôi con chung: Anh Bàn T Ghển trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bàn Thị Y, sinh ngày 08-7-2013 cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị P được quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, anh G và chị P đều có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bàn Tòn G được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã Vũ Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mã Nguyệt Thu